CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

FireAnt

CTCP Logistics VINALINK

Ngày 31/03/2024	14,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**3.2%**	**3.1%**

DT thuần
Q1/24
218
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0| 33.1%

LN thuần
Q1/24
9.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.67| 22.5%
YoY: ▲ 2.51| 38.1%

LN sau thuế
Q1/24
7.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.23| 73.8%
YoY: ▲ 2.21| 40.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
4.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM)
Q1/24
15.4%
YoY: +/-▲ 1.0%

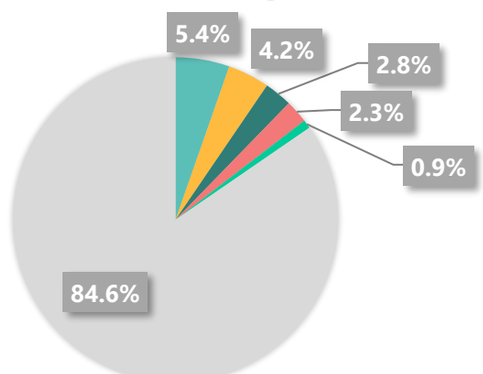
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,537 - 15,648
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
Số lượng CPLH (CP)	14,140,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	54,163
Sở hữu nước ngoài	10.4%
Beta	0.53
EPS	2,795
P/E	5.0

DT thuần
2023
729
tỷ VNĐ
YoY: ▼368| -33.5%

LN thuần
2023
43.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.1| -18.7%

LN sau thuế
2023
37.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.60| -15.0%

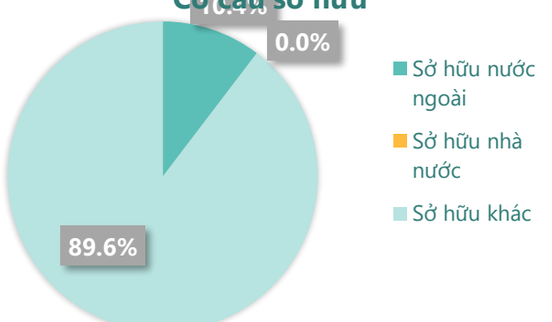
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
- CTCP Đầu tư Toàn Việt
- Nguyễn Bích Ngọc
- Vũ Thế Đức (Thành viên HĐQT)
- CTCP VINAFREIGHT
- Khác

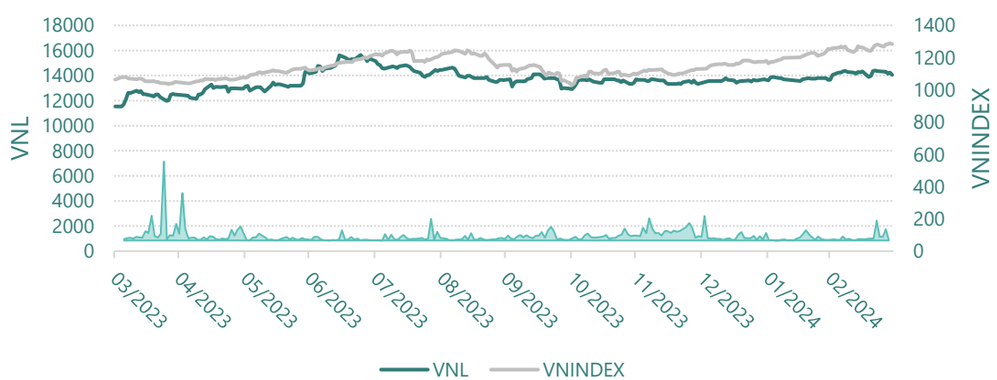
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



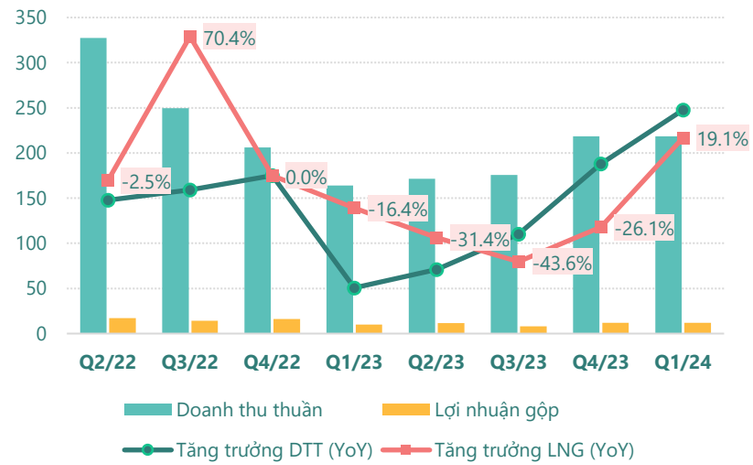
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



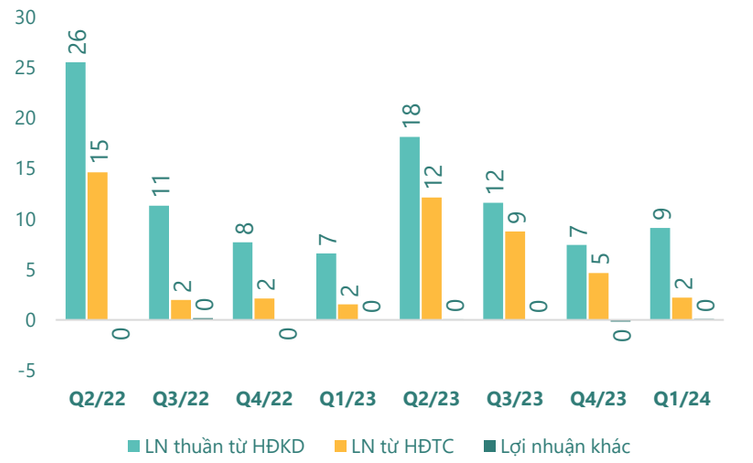
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



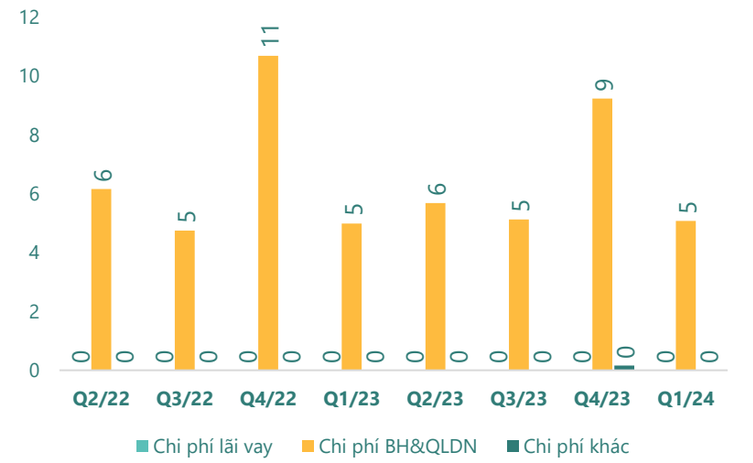
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



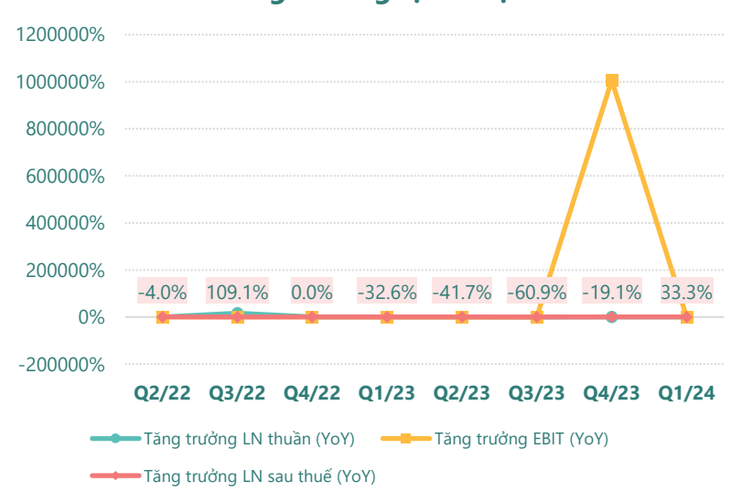
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



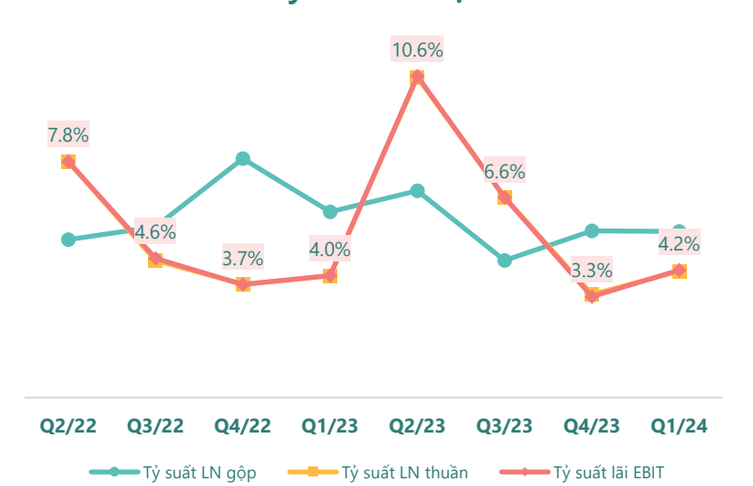
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



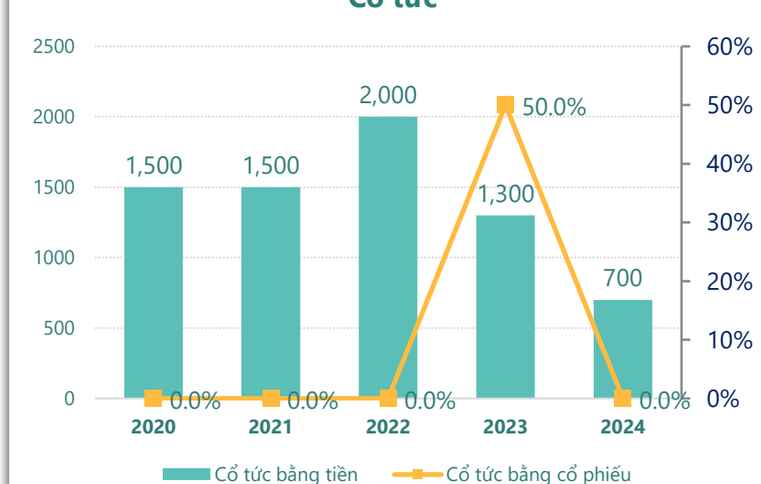
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

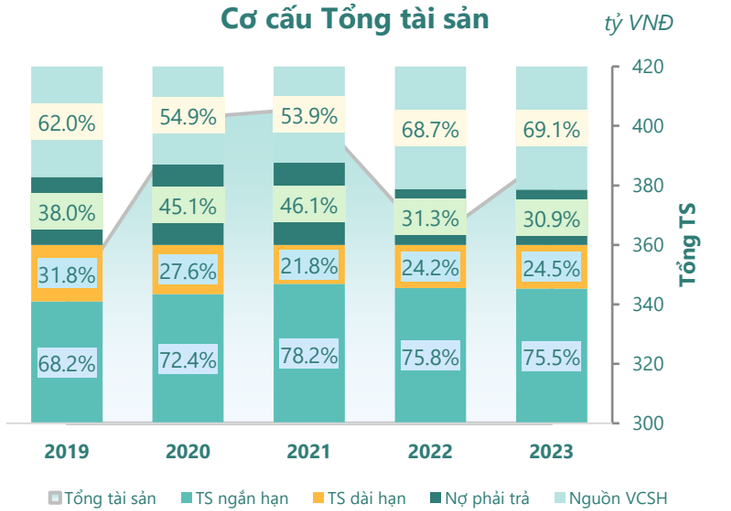
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

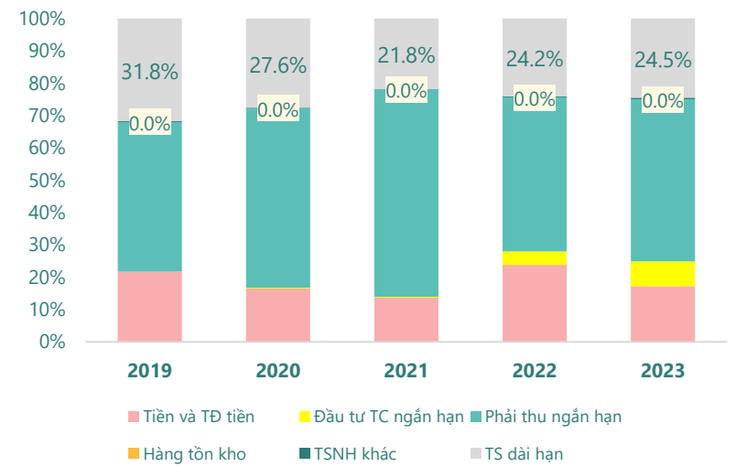
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



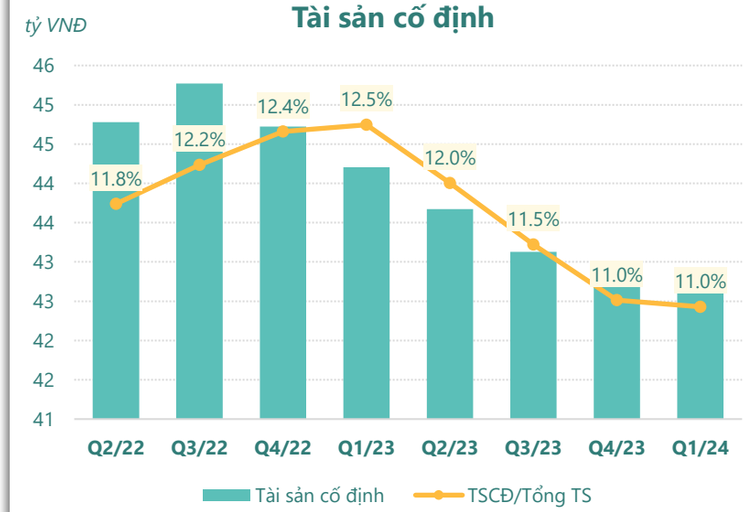
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



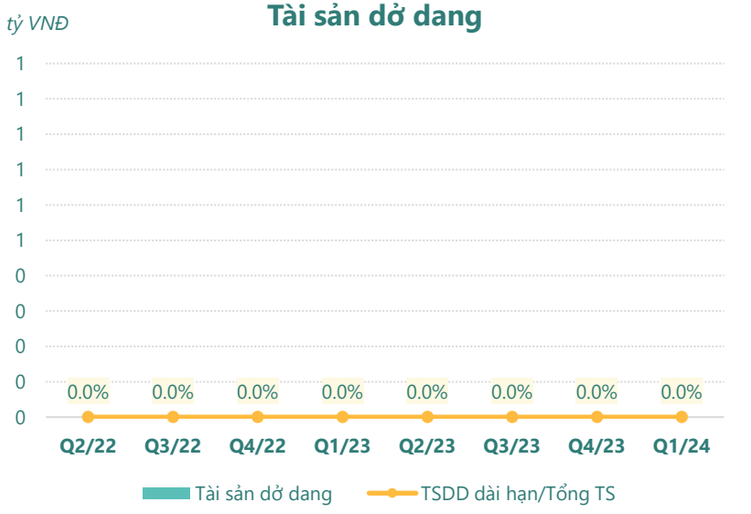
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



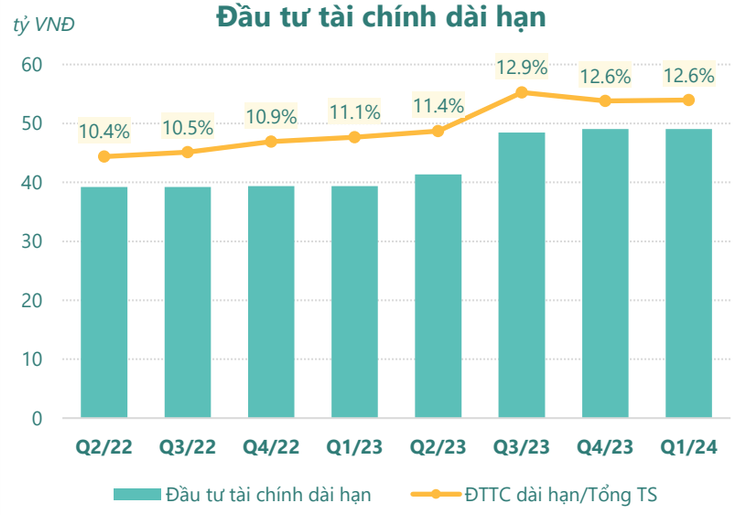
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



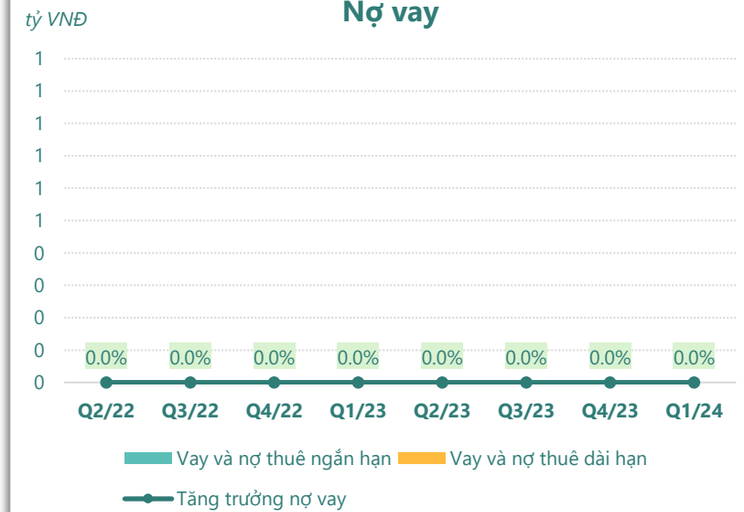
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

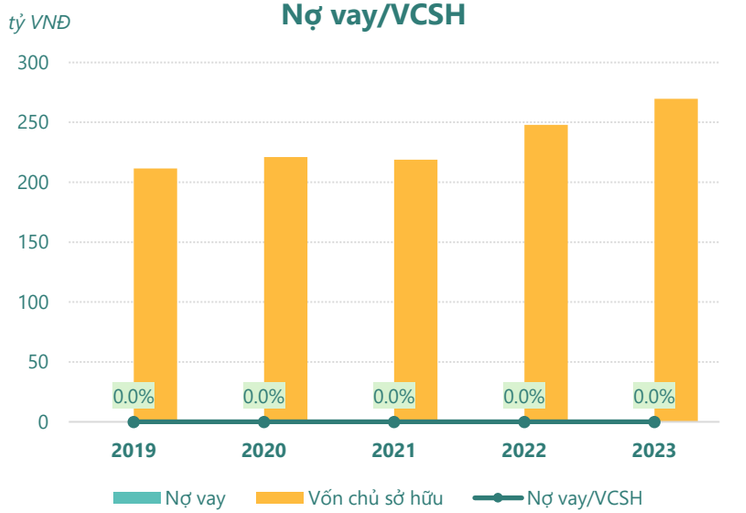
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

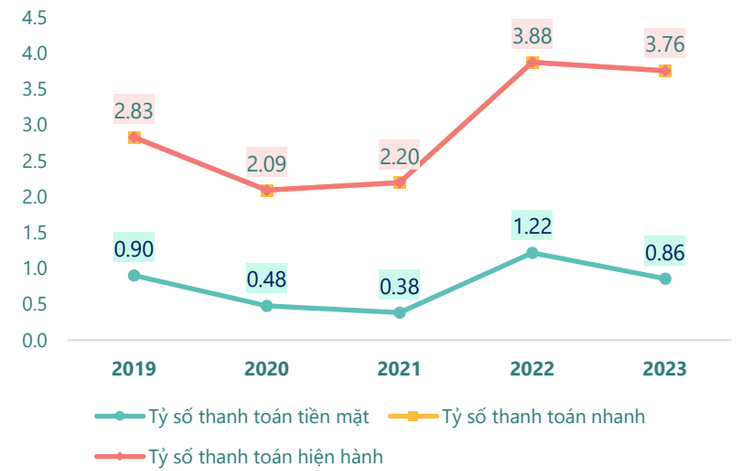
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



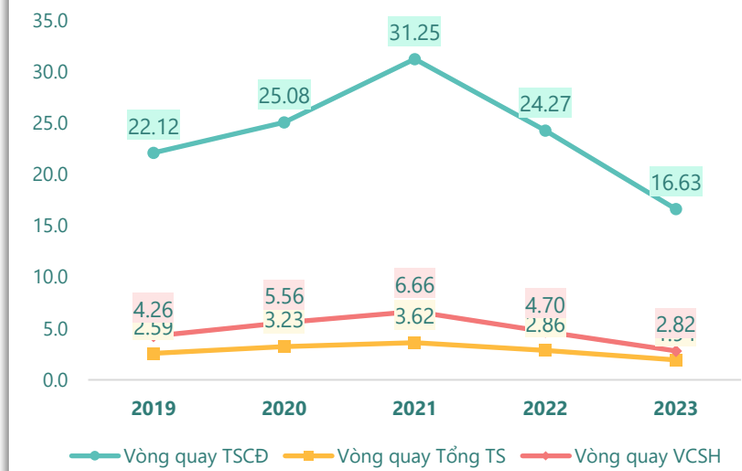
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



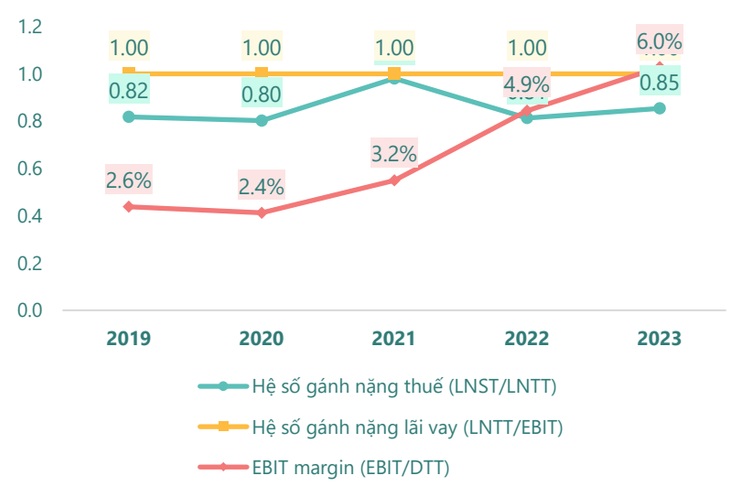
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



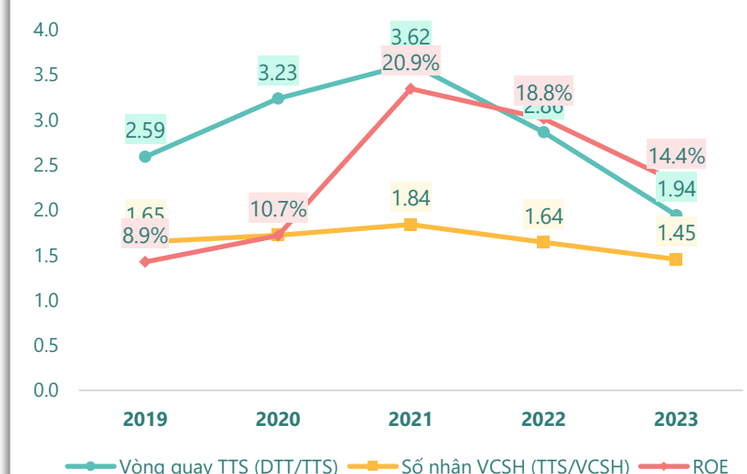
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



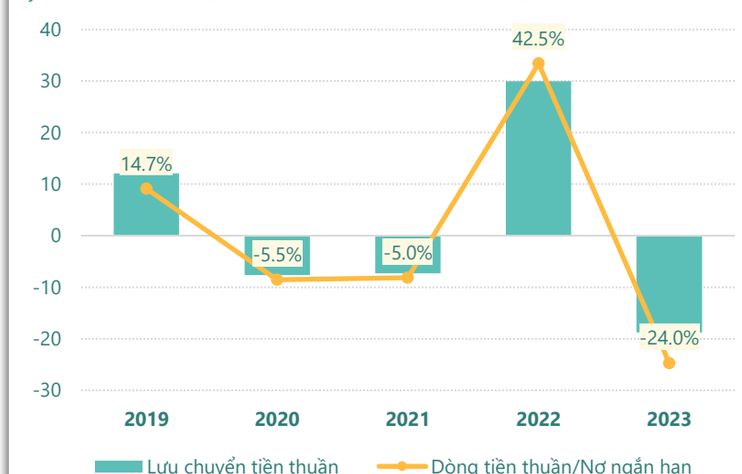
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**218**	**164**	**33.1%**	**729**	**1,097**	**-33.5%**
Giá vốn hàng bán	206	154	34.0%	687	1,037	-33.7%
Lợi nhuận gộp	12.0	10.1	18.7%	41.8	59.5	-29.8%
Doanh thu HĐTC	3.70	2.39	54.7%	32.0	23.0	39.1%
Chi phí TC	1.49	0.86	73.8%	4.96	3.22	53.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.08**	**4.99**	**1.8%**	**25.1**	**25.5**	**-1.6%**
LN thuần từ HĐKD	9.11	6.60	38.1%	43.8	53.9	-18.7%
Lợi nhuận khác	**0.10**	**0.00**		**-0.10**	**0.12**	**-178%**
LN trước thuế	9.21	6.60	39.6%	43.7	54.0	-19.0%
Lợi nhuận sau thuế	**7.61**	**5.40**	**40.9%**	**37.3**	**43.9**	**-15.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.61**	**5.40**	**40.9%**	**37.3**	**43.9**	**-15.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.85	-25.1	18.1	-0.04	3.07	-23.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.5	15.8	-21.6	15.3	5.36	6.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.60	0	-7.54	0	-7.07	0
Tiền đầu kỳ	98.7	86.0	76.9	65.7	80.9	67.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.3**	**-9.26**	**-11.1**	**15.2**	**1.36**	**-17.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.41	0.14	-0.05	0.02	-0.11	0.14
Tiền cuối kỳ	86.0	76.9	65.7	80.9	82.2	49.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**389**	**390**	**-0.3%**
Tài sản ngắn hạn	294	295	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	49.8	67.2	-25.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	30.0	-16.7%
Phải thu ngắn hạn	217	196	10.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	2.59	1.85	39.4%
Tài sản dài hạn	**95.4**	**95.7**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	2.40	2.11	13.6%
Tài sản cố định	42.7	43.0	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.36**	**1.61**	**-15.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	122	121	1.0%
Nợ ngắn hạn	**79.7**	**78.4**	**1.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	51.0	45.6	11.9%
Nợ dài hạn	42.4	42.4	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**267**	**270**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**267**	**270**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)